

Số: 1673/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1317/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau đây:

Bà **Võ Thị Minh T**, sinh năm 1977; địa chỉ: **số B đường T, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Ông **Huỳnh Ngọc T1**, sinh năm 1978; địa chỉ: **số B đường T, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà **Võ Thị Minh T** và ông **Huỳnh Ngọc T1** là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 ngày 01/02/2000 của Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đắk Lắk (thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên cũ).

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 12 tháng 6 năm 2026 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 7 năm 2026, bà **T1** và ông **T1** thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc không chia tài sản chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà **Võ Thị Minh T** và ông **Huỳnh Ngọc T1** thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 ngày 01/02/2000 của Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đắk Lắk (thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên cũ) hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà **Võ Thị Minh T** và ông **Huỳnh Ngọc T1** có 02 con chung tên **Huỳnh Võ Ngọc A**, sinh ngày 25/3/2001 và **Huỳnh Võ Phương V**, sinh ngày 06/8/2004 đã trưởng thành.

- Về chia tài sản khi ly hôn, nợ chung: Bà **T1** và ông **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết trong việc dân sự này.

2. Về lệ phí: Bà **T1** và ông **T1** phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E, số 0039610 ngày 23/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà **T1** và ông **T1** đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân
khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Châu Thị Hồng Đào